

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
ĐOÀN GIÁM SÁT

Số: 37 /TB-ĐGS

Bình Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2019

THÔNG BÁO

**Đề cương chi tiết báo cáo phục vụ Đoàn giám sát HĐND tỉnh
về thực hiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Đoàn giám sát thông báo đề cương báo cáo chi tiết đến các địa phương, cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát, cụ thể như sau:

1. Đơn vị chịu sự giám sát

- Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nội vụ; Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Bình Dương; Văn phòng UBND tỉnh;

- Ủy ban nhân dân, Bảo hiểm xã hội, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố.

- Ủy ban nhân dân một số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế, Đoàn giám sát sẽ xem xét, quyết định tiến hành khảo sát tại một số đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng được Nhà nước giao nhiệm vụ có liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Mốc thời gian báo cáo: từ tháng 01/2016 đến 30/9/2019.

3. Thời gian hoàn thành báo cáo gửi về Đoàn giám sát trước ngày 15/12/2019.

4. Đề cương báo cáo (có đề cương chi tiết kèm theo).

Đề nghị các đơn vị chịu sự giám sát xây dựng báo cáo theo đề cương, gửi về Đoàn giám sát theo địa chỉ:

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương, Tầng 15, Tháp B, Trung tâm Hành chính tỉnh. Email: vphdnd@binhduong.gov.vn.

Các vấn đề liên quan đến đề cương báo cáo giám sát đề nghị liên hệ trực tiếp đồng chí Nguyễn Khoa Diệu An - Phó Chánh Văn phòng HĐND tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc, điện thoại: 0918.883.368.

Đoàn giám sát thông báo đến cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát được biết và thực hiện./.

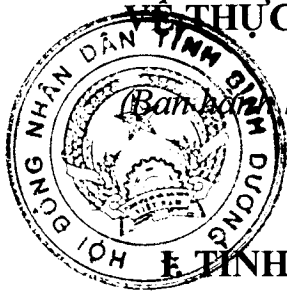
Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Tổng hợp;
- Trang thông tin điện tử Đại biểu dân cử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Nguyễn Thị Kim Oanh



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

kèm theo Thông báo số 37 /TB-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2019
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Nêu đặc điểm tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị: vị trí địa lý, dân số, chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện chính sách, pháp luật về an sinh xã hội (ASXH); thống kê các đối tượng được thụ hưởng chính sách ASXH, trong đó có đối tượng là người có công với cách mạng (phân tích theo giới).
2. Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp, sở, ngành, đơn vị và công tác tổ chức triển khai các quy định của Trung ương, của Tỉnh đối với chính sách, pháp luật về ASXH giai đoạn 2016 - 2020.
3. Những thuận lợi, khó khăn tác động đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về ASXH của địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ASXH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về ASXH giai đoạn 2016 - 2020 (nói rõ cách thức, hình thức tuyên truyền; kết quả, hiệu quả của công tác này).

2. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về ASXH giai đoạn 2016 - 2020. Báo cáo theo 04 nhóm nội dung như sau:

a) *Nhóm nội dung 1:* Tình hình và kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững:

- Công tác đào tạo nghề: tổng số cơ sở dạy nghề công lập và ngoài công lập; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ra trường có việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo (trong đó có tỷ lệ đào tạo nghề); tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị và nông thôn;

- Chính sách tạo việc làm: số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ học nghề, được tư vấn giới thiệu việc làm; cơ cấu việc làm; thị trường lao động; vấn đề thu nhập;

- Chính sách về tín dụng cho các đối tượng, trong đó có ngân sách Trung ương và ngân sách của địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Bình Dương;

- Kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: thực hiện chính sách về khuyến nông; ngành nghề đào tạo, số người được hỗ trợ học nghề theo chính sách này; kết quả giải quyết việc làm sau đào tạo, hiệu quả đạt được;

- Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững: tổng số hộ nghèo, cận nghèo (tỷ lệ %); số hộ thoát nghèo, số hộ nghèo phát sinh; tổng kinh phí giảm nghèo;

- Chính sách hỗ trợ cho các đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) *Nhóm nội dung 2:* Tình hình và kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các đối tượng. Trong đó, thể hiện số liệu liên quan đến tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm nông nghiệp.

c) *Nhóm nội dung 3:* Tình hình và kết quả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, hỗ trợ thường xuyên, hỗ trợ đột xuất: tổng số cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập, số đối tượng được cấp thẻ BHYT; tổng số trẻ em toàn tỉnh theo giới tính, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc; đối tượng được hỗ trợ thường xuyên, đột xuất, kinh phí thực hiện.

d) *Nhóm nội dung 4:* Tình hình và kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về các dịch vụ cơ bản như:

- Về giáo dục - đào tạo: tổng số cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập, đội ngũ giáo viên các cấp; chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, hỗ trợ cho các đối tượng; kết quả phổ cập giáo dục các cấp học; tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi; tỷ lệ trẻ khuyết tật được đi học; tỷ lệ sinh viên trên vạn dân; tỷ lệ người dân biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên; tỷ lệ học sinh bỏ học. Các số liệu nêu trên cần phân tích rõ nam, nữ.

- Về y tế: tổng số cơ sở y tế công lập, ngoài công lập; đội ngũ y, bác sĩ; kết quả thực hiện các chính sách về y tế; công tác khám, chữa bệnh cho các đối tượng; các chỉ tiêu đạt được của ngành; số xã, phường, thị trấn có trạm y tế, có bác sĩ và đạt tiêu chí quốc gia về y tế; số xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; BHYT đã chi trả chi phí đề phụ nữ khi có thai được khám thai, sinh đẻ tại các cơ sở y tế; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể nhẹ cân, thể thấp còi, béo phì; tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ đẻ sống; tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân, trong đó có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội khác được cấp thẻ BHYT.

- Kết quả thực hiện Đề án nhà ở xã hội, nhà ở xã hội cho các đối tượng; kinh phí thực hiện và huy động xã hội hóa.

- Việc bảo đảm cung cấp nước sạch nông thôn và chính sách hỗ trợ cho các đối tượng; vấn đề về vệ sinh môi trường; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, trong đó có hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Công tác hỗ trợ tư vấn pháp lý, kết quả, hiệu quả đạt được và hình thức hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

- Kết quả thực hiện việc hỗ trợ tiếp cận thông tin, truyền thông.

- Việc bố trí quỹ đất dành cho các công trình phục vụ công tác ASXH, thiết chế văn hóa, các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Kết quả huy động các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện công tác ASXH; việc thực hiện các dịch vụ xã hội đô thị.

4. Công tác phối hợp của các cấp, các ngành, đơn vị và địa phương trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về ASXH.

5. Đánh giá chung về kết quả đạt được, những ưu điểm, hạn chế, bất cập, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về ASXH. Việc bố trí ngân sách hàng năm trong từng nhóm nội dung cụ thể đã nêu trên.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Từ kết quả báo cáo của đơn vị, đề nghị có những kiến nghị, đề xuất cho Đoàn giám sát những vấn đề liên quan đến chính sách, pháp luật về ASXH.

*** Lưu ý:**

- Đối với UBND các cấp: đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung theo đề cương giám sát như trên.

- Đối với sở, ngành, đơn vị: căn cứ các nội dung theo đề cương giám sát, thực hiện báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Báo cáo về kinh phí thực hiện theo từng năm.

- Khi phân tích các đối tượng thụ hưởng chính sách ASXH, cần lưu ý các đối tượng là công nhân lao động xa quê.

- Báo cáo của các đơn vị cần có đánh giá so sánh với kế hoạch năm; mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm kỳ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020.
